

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 336/2022/DS-PT

Ngày: 27/12/2022

V/v tranh chấp: “*Kiện đòi tài sản là tiền*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Võ Ngọc Hải.

Các Thẩm phán: Trần Hữu Tính.

Võ Ngọc Giàu.

Thư ký Tòa án - ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông
Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử
công khai vụ án thụ lý số 313/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về
việc tranh chấp “*Kiện đòi tài sản là tiền*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 153/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022
của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 414/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng
11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 559/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 12
năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Nguyễn Hoàng Cao L, sinh năm 1977;

Địa chỉ: 464, đường N, ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1963.(có mặt)

Địa chỉ: khu phố A, phường C, thị xã G, Tiền Giang.

Bị đơn: chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: số D Đ, khu phố D, Phường D, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: ông Nguyễn Hồng L1, sinh năm
1949.(vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã L, thị xã G, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 07 tháng 4 năm 2022 nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng Cao L và lời trình bày trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn D do anh L ủy quyền trình bày: Do mối quan hệ bạn bè, khoảng tháng 6 năm 2021, lúc anh L đang cư trú ở Mỹ, T nói với anh L có người cần cầm nhà, đất và kêu anh L chuyển tiền về để Thảo cầm nhà giúp.

Do tin tưởng là bạn bè nên anh Nguyễn Hoàng Cao L đã chuyển tiền cho chị Nguyễn Thị Thu T thông qua dịch vụ Chuyển tiền - bán vé máy bay.

Anh L chuyển các lần như sau:

Ngày 23/6/2021 Lập gửi 11.000 đô la Mỹ và 30.000.000 đồng; Ngày 5/7/2021 Lập gửi 10.000 đô la Mỹ; ngày 1/9/2021 Lập gửi 5.000 đô la Mỹ; Ngày 11/9/2021 Lập gửi 3.000 đô la Mỹ; Ngày 14/9/2021 Lập gửi 3.000 đô la Mỹ. Ngoài ra anh L có gửi về cho cha ruột là ông Nguyễn Hồng L1 400.000.000 đồng nhờ cha anh chuyển cho T mượn theo giấy mượn tiền ngày 16/01/2022. Khi anh L về Việt Nam mới biết là T lừa anh L để chiếm đoạt số tiền trên, nên anh L có nhiều lần yêu cầu T trả lại số tiền, nhưng T luôn né tránh và cố ý không trả tiền lại cho anh L. Nên anh L yêu cầu T hoàn trả lại toàn bộ số tiền mà T đã nhận gồm 32.000 đô la Mỹ (*Ba mươi hai nghìn đô la mỹ*) tương đương 731.488.000 đồng và 430.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.161.488.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án anh L xin rút một phần yêu cầu số tiền 430.000.000 đồng, (trong đó ông Nguyễn Hồng L1 cho chị T mượn 400.000.000 đồng, còn số tiền 30.000.000 đồng anh L cho T mượn nhưng không có chứng cứ). Nay anh L chỉ yêu cầu T trả cho anh L số tiền 32.000 đô la Mỹ quy đổi ra tiền Việt Nam tại thời điểm xét xử, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Chứng cứ cho yêu cầu của anh L là 05 phiếu chuyển tiền theo biên bản giao nhận chứng cứ ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công và chị T đã thừa nhận tại biên bản hòa giải của Tòa án, ngoài ra không còn chứng cứ nào khác.

*Tại bản tự khai ngày 03/6/2022, bị đơn Nguyễn Thị Thu T trình bày: Chị và Nguyễn Hoàng Cao L quan hệ là người yêu của nhau từ cuối năm 2020, trong thời gian yêu nhau anh L có chuyển tiền cho chị mục đích tặng cho cá nhân chị chứ không có cầm nhà đất gì như ông L trình bày. Tại bản tự khai bổ sung ngày 13/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án chị T trình bày thêm chị và anh L quen nhau vì hai đứa thương nhau, gần đến ngày đám cưới, nên vì thương nhau nên anh L có gửi về cho chị để chị làm thiện nguyện cho bà con mùa dịch covid-19, trong thời gian bị cách ly 04 tháng, chị tự nguyện làm từ thiện và lo cho cha của anh L là ông Nguyễn Hồng L1, chị tự nguyện lo cho ông L1 vì nghĩ hai đứa là của nhau mãi mãi. Chị cũng thừa nhận có nhận của anh L tất cả là 32.000 đô la Mỹ (*Ba mươi hai nghìn đô la Mỹ*). Ngoài ra chị có mượn tiền của ông Nguyễn Hồng L1 là ba ruột của anh L số tiền 400.000.000 đồng, số tiền này có làm biên nhận mượn tiền có thỏa thuận trả hàng tháng. Chị thừa nhận có nhận 32.000 đô la Mỹ của anh L, nhưng chị không đồng ý trả theo yêu cầu của anh L vì chị cho*

rằng anh L đã cho chị lúc đó nhắn tin bên cái nick kia nhưng giờ đã thất lạc không tìm thấy để cung cấp cho Tòa, anh L đã thay đổi nên chị và anh L không còn quen nữa, anh L đòi lại chị số tiền 32.000 đô la Mỹ.

Tài liệu, chứng cứ chị cung cấp cho Tòa là chị in ra từ trong điện thoại thông qua internet là tin nhắn và hình ảnh giữa chị và Lập N được đánh số từ bút lục (BL03- BL25)

Ông Nguyễn Hồng LI là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: ông không còn liên quan gì trong vụ án này do con ông Nguyễn Hoàng Cao L đã rút một phần yêu cầu khởi kiện có liên quan đến ông. Ông có cho T mượn tiền có viết giấy mượn tiền, ông không có yêu cầu độc lập trong vụ án này, mà sẽ yêu cầu Nguyễn Thị Thu T trả tiền cho ông trong một vụ án dân sự khác, và ông tuổi đã cao xin được vắng mặt không dự phiên tòa.

Bản án dân sự sơ thẩm số 153/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào: khoản 1 Điều 26, Điều 35 và Điều 39; Điều 85, khoản 4 Điều 91, Điều 92, Điều 147 Điều 218, Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 105, Điều 107, Điều 116, Điều 119, Điều 166 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng Cao L.

1. Buộc chị Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Hoàng Cao L số tiền 32.000 đô la Mỹ quy đổi ra tiền Việt Nam đồng là 746.240.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của anh Nguyễn Hoàng Cao L yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu T trả số tiền 430.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án có tuyên về nghĩa vụ thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Nguyễn Thị Thu T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn D yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo phía nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm 153/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Đây là quan hệ tranh chấp “đòi tài sản” theo quy định Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 105, Điều 116, Điều 119, Điều 166 Bộ Luật dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T là đúng theo quy định tại điều 270 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Xét người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng L1 có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông L1.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Cao Thị Lệ Q về việc sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 153/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu phía nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 23/6/2021 Lập gửi 11.000 đô la Mỹ tương ứng với 01 phiếu; Ngày 5/7/2021 L gửi 10.000 đô la Mỹ tương ứng với 01 phiếu; ngày 1/9/2021 Lập gửi 5.000 đô la Mỹ tương ứng với 01 phiếu; Ngày 11/9/2021 L gửi 3.000 đô la Mỹ tương ứng với 01 phiếu người gửi; Ngày 14/9/2021 Lập gửi 3.000 đô la Mỹ, nhưng theo chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là 11/5/2021 Lập gửi 3.000 đô la Mỹ tương ứng với 01 phiếu người gửi. Tổng cộng số tiền anh L gửi cho chị T là 32.000 USD. Chị thừa nhận 05 phiếu chuyển tiền mà nguyên đơn cung cấp, chị có nhận tổng cộng là 32.000 đô la Mỹ, hình thức nhận bằng chuyển khoản và chị nhận trực tiếp đô la Mỹ, có khi nhận tiền mặt.

Anh L là gửi cho chị T mượn có số vốn để cầm nhà, cầm đất đi liền với lời trình bày thì có các phiếu chuyển tiền ghi tên người gửi, điện thoại, số tiền, bên người nhận ghi tên, địa chỉ, điện thoại. Trong các phiếu chuyển tiền phần ghi chú bỏ trống không thể hiện nội dung tặng cho, cho mượn, hay cho vay gì.

Chị T cho rằng giữa chị và anh L là người yêu của nhau, và hai người sắp làm đám cưới, nên anh L chuyển tiền cho chị là tặng cho cá nhân chị chứ không cầm nhà đất gì như anh L trình bày. Tuy nhiên những bức ảnh chụp tin nhắn của chị T với anh L không thể hiện nội dung anh L đồng ý tặng cho chị T số tiền 32.000 USD.

Tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ.

Vì vậy đơn kháng cáo của phía bị đơn là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Điều 296, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Thu T. Giữ nguyên toàn bộ bản án sơ thẩm số 153/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 26, Điều 35 và Điều 39; Điều 85, khoản 4 Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 218, Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; Điều 105, Điều 116, Điều 119, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng Cao L.

1. Buộc chị Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Hoàng Cao L số tiền 32.000 đô la Mỹ quy đổi ra tiền Việt Nam đồng là 746.240.000 đồng (*bảy trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng*) khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của anh Nguyễn Hoàng Cao L yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu T trả số tiền 430.000.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Hoàng Cao L được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí mà Anh L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 23.422.320 đồng theo biên lai thu số 0006735

ngày 12 tháng 04 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

-Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 33.849.600 đồng (*Ba mươi ba triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn đồng*).

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006937 ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang nên chị T đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã Gò Công;
- Chi cục THADS thị xã Gò Công;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên công TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Hải